

Số: /KH-SNN

Lạng Sơn, ngày tháng 01 năm 2022

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025**

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 06/11/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020 - 2025, Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 25/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu trong lĩnh vực nông nghiệp, giai đoạn 2020 - 2030, Kế hoạch số 09/KH-TU ngày 15/01/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030, Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh về Thực hiện Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 06/11/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025. Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành kế hoạch thực hiện như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh về Thực hiện Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 06/11/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 thuộc trách nhiệm ngành để phân công trách nhiệm, tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 – 2025 đề ra.

- Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các phòng ban, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức ngành nông nghiệp và PTNT về vai trò, tầm quan trọng trong việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025.

### **2. Yêu cầu**

- Các phòng ban, đơn vị trực thuộc chủ động, tích cực triển khai kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, liên tục giữa các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn.

- Thường xuyên có kiểm tra, đôn đốc, giám sát, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch; đồng thời có sơ kết, tổng kết đánh giá, kịp thời điều chỉnh những nội dung không phù hợp, khen thưởng, biểu dương, nhân rộng các mô hình, cách làm hay.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững, nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn. Xây dựng và phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tạo thương hiệu, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh thông qua đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, tăng năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng gắn với chủ động phòng chống dịch bệnh; đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa và đẩy mạnh xuất khẩu; bảo đảm an ninh lương thực trong mọi tình huống; phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường.

### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025**

- Giá trị tăng thêm ngành nông, lâm nghiệp bình quân hằng năm tăng 3-3,5%/năm.

- Trồng rừng mới 9.000 ha/năm, trong đó diện tích trồng rừng gỗ lớn là 800 ha/năm; độ che phủ rừng đạt 65% vào năm 2025.

- Tỷ lệ cư dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 99%.

- Có thêm ít nhất 50 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên; xây dựng được 25 chuỗi liên kết trong sản xuất nông nghiệp, 04 chỉ dẫn địa lý, 20 nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm của tỉnh.

- Toàn tỉnh có 115/181 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 63,5% (bình quân mỗi năm có thêm 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới); xây dựng và công nhận 32 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 12 xã nông thôn mới kiểu mẫu; có thêm 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt 12%; Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp

được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt hoặc tương đương đạt 10%; tốc độ tăng giá trị gia tăng công nghiệp chế biến nông sản đạt 3%/năm; diện tích đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt khoảng 0,5%; tỷ lệ sản phẩm phân bón hữu cơ trong tổng sản phẩm phân bón được sản xuất và tiêu thụ đạt 10%.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo đạt trên 40%; trên 50% hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 35 - 40 triệu đồng/năm, tăng 1,3 - 1,5 lần so với năm 2020.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

#### **1. Xây dựng phát triển các vùng sản xuất tập trung gắn với chuỗi liên kết sản xuất, thương hiệu sản phẩm nông nghiệp**

##### **1.1. Lĩnh vực trồng trọt**

##### **a) Các chỉ tiêu phát triển**

Giữ ổn định diện tích gieo trồng hàng năm đối với cây lúa là 47.000 ha; cây ngô là 20.000 ha, tổng sản lượng lương thực hàng năm đạt trên 300 nghìn tấn, bảo đảm an ninh lương thực trên địa bàn toàn tỉnh.

Xây dựng vùng sản xuất rau các loại với diện tích 4.000 ha; Lúa đặc sản chất lượng cao 5.000 ha; Khoai tây, Khoai lang 1.500 ha; Thạch đen 5.000 ha; Chè 600 ha. Phát triển, nâng cao chất lượng vùng sản xuất cây ăn quả: Na với diện tích 3.500 ha, Quýt 1.500 ha, Hồng vành khuyên, Hồng Bảo Lâm 2.000 ha, cây có múi khác 1.300 ha. Phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng một số cây trồng có tiềm năng như: Táo dại, Chanh leo, nấm, Mắc ca,... với quy mô hợp lý ở những địa bàn có lợi thế.

##### **b) Nhiệm vụ chủ yếu**

- Tập trung khai thác tiềm năng, lợi thế, tiếp tục phát triển các vùng sản xuất tập trung các sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh tạo vùng nguyên liệu, hàng hóa quy mô lớn, làm cơ sở phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và khai thác, tạo thương hiệu sản phẩm, cụ thể:

*Sản xuất lúa gạo:* Nâng cao hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, bảo đảm giữ ổn định sản lượng lương thực hàng năm trên 300.000 tấn, không để diện tích đất bỏ hoang. Tập trung phát triển sản xuất Lúa đặc sản chất lượng cao đạt 5.000 ha, chiếm khoảng 10% tổng diện tích gieo trồng lúa; sử dụng giống lúa đặc sản chất lượng (Gạo Bao thai Hồng, gạo Nhật, gạo nếp cái Hoa vàng,...) tập trung chủ yếu tại các huyện Hữu Lũng, Lộc Bình, Tràng Định; áp dụng tiến bộ kỹ thuật để giảm chi phí đầu vào, tăng 15 - 20% năng suất, nâng cao giá trị thu nhập lúa gạo.

*Sản xuất rau:* Phát triển vùng sản xuất rau hàng hóa diện tích 4.000 ha/năm tại các huyện Cao Lộc, Lộc Bình và thành phố Lạng Sơn; đa dạng hóa các mặt hàng rau quả theo nhu cầu thị trường, tập trung phát triển các loại rau

đặc sản vụ đông có giá trị kinh tế (cải bắp ngồng, cải ngồng hoa vàng, rau bò khai,...). Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất, áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP), hữu cơ, đảm bảo an toàn thực phẩm gắn với sơ chế, chế biến và tiêu thụ, liên kết sản xuất, phát triển nhãn hiệu tập thể rau Cao Lộc và nhãn hiệu chứng nhận rau Lạng Sơn. Nâng giá trị sản xuất rau hàng hóa tăng từ 15 - 20% so với sản xuất rau đại trà.

*Thạch đen:* Mở rộng vùng sản xuất Thạch đen theo quy hoạch, chuyển đổi các diện tích đất lúa kém hiệu quả sang trồng cây thạch đen theo hướng phát triển tập trung, sản xuất quy mô lớn, diện tích gieo trồng đạt 5.000 ha tập trung tại các huyện Tràng Định, Bình Gia, Văn Lãng; Đẩy mạnh công tác quản lý, thiết lập vùng trồng thạch đen phục vụ xuất khẩu; Xây dựng vùng nguyên liệu, đáp ứng các tiêu chuẩn VSATTP liên kết với nhà máy chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị. Quan tâm xây dựng vườn ươm giống cây thạch đen đảm bảo chất lượng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển cây thạch đen trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh xây dựng và phát triển mã số vùng trồng đối với các sản phẩm nông sản để xuất khẩu và mở rộng thị trường tiêu thụ, đặc biệt là sản phẩm Thạch đen, phân đấu bình quân cấp được 70-80 mã số vùng trồng/năm, đến năm 2025 có trên 80% diện tích cây Thạch đen được cấp mã số vùng trồng.

*Chè:* Tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng vùng nguyên liệu, cơ cấu lại vùng sản xuất, tập trung thâm canh tăng năng suất, chất lượng chè. Duy trì ổn định diện tích 600 ha chè hiện có, sử dụng giống chè chất lượng cao để trồng mới thay thế diện tích chè năng suất, chất lượng thấp. Đẩy mạnh xây dựng vùng chè chứng nhận VietGAP, chè hữu cơ đạt tiêu chuẩn xuất khẩu. Đầu tư công nghệ chế biến sâu, đa dạng mẫu mã sản phẩm, nâng giá trị sản phẩm/đơn vị canh tác từ 20 - 25% so với năm 2020; từng bước phát triển sản xuất chè gắn với du lịch.

*Sản xuất cây ăn quả:* Phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng vùng sản xuất cây ăn quả đặc sản trên địa bàn tỉnh; thực hiện trồng mới hàng năm trên 500 ha cây ăn quả các loại. Đến năm 2025, mở rộng vùng Na với diện tích 3.500 ha, tại các huyện Chi Lăng, Hữu Lũng; Quýt 1.500 ha, tại các huyện Bắc Sơn, Bình Gia, Tràng Định; Hồng vành khuyên, Hồng Bảo Lâm 2.000 ha, tại các huyện Văn Lãng, Cao Lộc, Chi Lăng; cây có múi khác 1.300 ha. Áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong canh tác, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh nâng cao năng suất từ 20- 30%, nâng cao diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn (VietGap, GlobalGap). Đẩy mạnh công tác bình tuyển cây đầu dòng, tạo nguồn cây giống ăn quả chất lượng cung cấp cho người sản xuất. Trên cơ sở lợi thế từng địa phương, lựa chọn cây ăn quả có quy mô đủ lớn, phát triển công nghiệp chế biến sau thu hoạch để nâng cao giá trị, mở rộng thị trường tiêu thụ gắn với phát triển du lịch sinh thái.

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến; quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), sản xuất cây trồng trong nhà lưới, sử dụng màng che phủ, hệ thống tưới tự động, tưới thấm; biện pháp thâm canh bền vững; giảm việc sử dụng phân bón vô cơ và hóa chất bảo vệ thực vật; khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, hỗ trợ mở rộng diện tích áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn (VietGAP, GlobalGAP,...) gắn với chứng nhận truy xuất nguồn gốc, nhãn mác sản phẩm với liên kết tiêu thụ sản phẩm; đẩy mạnh quá trình cơ giới hóa; khuyến khích tổ chức, cá nhân tập trung, tích tụ ruộng đất chuyển đổi mô hình sản xuất hàng hóa lớn. Phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái để đáp ứng nhu cầu thị trường và phục vụ du lịch. Đẩy mạnh công tác dự tính dự báo, chủ động trong phòng, chống dịch bệnh trên các loại cây trồng.

## **1.2. Lĩnh vực chăn nuôi**

### **a) Các chỉ tiêu phát triển**

Phấn đấu duy trì, phát triển đàn lợn bình quân khoảng 450.000 con/năm; chăn nuôi trâu, bò trên 150.000 con/năm; chăn nuôi gia cầm trên 5 triệu con/năm; chăn nuôi dê trên 60.000 con/năm; ngựa bạch trên 1.500 con/năm. Sản lượng thịt hơi các loại bình quân đạt từ 52 - 55 ngàn tấn/năm; đến năm 2025 sản phẩm chăn nuôi trang trại đạt khoảng trên 30%, xây dựng được từ 20 – 30 cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh.

### **b) Nhiệm vụ chủ yếu**

Tổ chức phát triển sản xuất chăn nuôi theo quy hoạch, phát triển chăn nuôi nông hộ theo phương thức hữu cơ; từng bước phát triển chăn nuôi theo hướng gia trại, trang trại tập trung gắn với các cơ sở giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích đầu tư, phát triển các khu chăn nuôi tập trung khép kín, an toàn dịch bệnh. Đẩy mạnh chăn nuôi áp dụng theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt VietGAHP, đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, thân thiện với môi trường.

Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn xây dựng thương hiệu sản phẩm; khuyến khích doanh nghiệp, cá nhân đầu tư lò giết mổ công nghiệp, bán công nghiệp. Huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng được ít nhất 01 cơ sở giết mổ tập trung trên địa bàn tỉnh bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường.

Nâng cao năng lực giám sát và dự báo, chủ động ngăn ngừa phòng, chống dịch bệnh ở vật nuôi; đẩy mạnh hiệu quả chất lượng công tác tiêm phòng cho gia súc, gia cầm. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, giám sát, kiểm dịch bệnh, quản lý chặt chẽ sản xuất, kinh doanh, buôn bán vật tư, thuốc thú y, nghiêm cấm

sử dụng các chất cấm trong chăn nuôi. Khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới để xử lý chất thải chăn nuôi, sản xuất phân bón hữu cơ và chế phẩm sinh học từ nguồn chất thải chăn nuôi.

Định hướng cơ cấu lại các loài vật nuôi chủ yếu: lợn, gia cầm, trâu bò,... phát triển phù hợp với từng vùng sinh thái và nhu cầu của thị trường, cụ thể:

*Chăn nuôi lợn:* từng bước khôi phục đàn, ổn định sản xuất, khuyến khích, tập trung tái đàn lợn tại các cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa và lớn đảm bảo tuân thủ quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; quan tâm phát triển nâng số lượng đàn lợn ngoại cao sản như Landrace, Yorkshire, Duroc... ở các huyện Lộc Bình, Cao Lộc, Hữu Lũng, Chi Lăng, Văn Quan, Tràng Định,...; Duy trì và phát triển đàn lợn bản địa như lợn Hương, lợn i... theo phương thức chăn nuôi hướng hữu cơ, tuần hoàn đảm bảo an toàn dịch bệnh tạo sản phẩm chất lượng cao phục vụ nhu cầu du lịch tại các huyện Hữu Lũng, Bắc Sơn, thành phố...;

*Chăn nuôi gia cầm:* Phát triển, tăng quy mô tổng đàn gia cầm sản xuất hàng hóa đạt trên 5 triệu con/năm. Phát triển các vùng chăn nuôi gà đẻ siêu trứng IsaBrown, Ai cập...; chăn nuôi gà thả đồi theo quy mô trang trại an toàn sinh học gắn với hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp tại các huyện Hữu Lũng, Chi Lăng, Lộc Bình, Cao Lộc, Tràng Định và thành phố Lạng Sơn...; Tăng sản lượng một số giống vịt có năng suất cao, tập trung phát triển chăn nuôi vịt siêu thịt, siêu trứng quy mô trang trại an toàn sinh học ở vùng có điều kiện về diện tích mặt nước như: Lộc Bình, Đình Lập, Tràng Định, Bắc Sơn...

*Chăn nuôi trâu, bò:* Cơ cấu lại đàn trâu, bò theo hướng chăn nuôi thương phẩm với tổng đàn trâu, bò trên 150.000 con/năm tại các huyện trên địa bàn tỉnh; Tiếp tục cải tạo, nâng cao năng suất đàn trâu sinh sản, nghiên cứu đưa những giống mới phù hợp với điều kiện ở địa phương để phát triển đàn đại gia súc theo hướng thương phẩm như giống bò 3B, Wagyu, Zebu,... để nâng cao năng suất chất lượng và giá trị sản phẩm. Chuyển từ chăn nuôi truyền thống chăn thả tự nhiên, sang hình thức nuôi nhốt sử dụng thức ăn hỗn hợp, kết hợp trồng cỏ áp dụng khoa học kỹ thuật; nâng cao hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi thông qua quy trình kỹ thuật vỗ béo, chế biến thức ăn, quản lý chăm sóc.

Tiếp tục quan tâm bảo tồn và phát triển một số loài vật nuôi bản địa có giá trị kinh tế cao như ngựa bạch, gà sáu ngón, lợn hương, vịt cổ xanh, ong, dúi...

### **1.3. Lĩnh vực lâm nghiệp**

#### **a) Các chỉ tiêu phát triển**

Phát triển, nâng cao chất lượng vùng sản xuất Hội diện tích 35.000 ha, vùng Thông 130.000 ha, Keo 35.000 ha, Bạch đàn 10.000 ha, Quế 6.000 ha, Sở 5.000 ha, sản xuất cây giống lâm nghiệp 200 triệu cây/năm; cấp Chứng chỉ quản

lý rừng bền vững (FSC, PEFC) 5.000 ha. Sản xuất cây giống lâm nghiệp 200 triệu cây/năm;

### **b) Nhiệm vụ chủ yếu**

Tập trung triển khai có hiệu quả Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030; bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên; theo dõi, cập nhật kịp thời, đầy đủ diễn biến, thay đổi hiện trạng rừng

Tận dụng tối đa sự hỗ trợ vốn từ ngân sách Trung ương, huy động mọi nguồn lực đầu tư cho trồng rừng bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu trồng rừng (cả trồng mới và trồng lại sau khai thác) là 9.000 ha/năm. Thực hiện có hiệu quả Đề án trồng 01 tỷ cây xanh, phân khai chỉ tiêu trồng cây phân tán cho từng địa phương theo hướng năm 2021 tăng 1,5 lần so với năm 2020, từ năm 2022-2025 tăng 1,8 lần so với năm 2020.

Tận dụng lợi thế đất đai, đồi rừng để tập trung phát triển các vùng sản xuất tập trung hiện có, cụ thể:

*Cây Hồi:* Phát triển, nâng cao chất lượng vùng sản xuất Hồi diện tích 35.000 ha, tập trung tại các huyện Văn Quan, Bình Gia. Hợp tác, nghiên cứu các biện pháp thực hiện cải tạo diện tích Hồi năng suất thấp, thoái hóa. Thực hiện chăm sóc, quản lý rừng theo tiêu chuẩn hữu cơ (cấp Chứng nhận rừng đạt tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ) để tăng giá trị sản phẩm. Giai đoạn 2021-2025 sản lượng hoa Hồi khô đạt trên 13.000 tấn/năm.

*Vùng thông:* Phát triển thâm canh rừng trồng với diện tích 130.000 ha, tập trung tại các huyện Lộc Bình, Đình Lập, Cao Lộc; thực hiện khai thác nhựa bền vững, khai thác nhựa khi cây đủ tuổi thành thực công nghệ để cho năng suất, sản lượng cao; duy trì diện tích khai thác nhựa khoảng 30% (tương đương gần 40.000 ha); giai đoạn 2021-2025 sản lượng nhựa Thông đạt 30.000 tấn/năm. Áp dụng biện pháp quản lý rừng bền vững (cấp Chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC hoặc PEFC) để tăng giá trị rừng trồng.

*Vùng keo:* Tập trung duy trì và phát triển ổn định khoảng 35.000 ha, trong đó: Duy trì tái tạo hơn 20.000 ha rừng Keo hiện có, mở rộng mới thêm khoảng 10.000 ha từ diện tích đất chưa có rừng trồng, chuyển đổi sau khai thác 8.000 ha rừng Bạch đàn hiện có sang trồng Keo; mỗi năm trồng mới 700 ha làm rừng Keo gỗ lớn (khai thác sau 10 - 12 năm), đến năm 2025 đạt diện tích rừng Keo gỗ lớn khoảng hơn 4.000 ha gắn chế biến và thị trường tiêu thụ. Áp dụng biện pháp quản lý rừng bền vững (cấp Chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC hoặc PEFC) để tăng giá trị rừng trồng. Vùng sản xuất tập trung tại các huyện: Hữu Lũng, Chi Lăng, Đình Lập.

*Vùng Bạch đàn:* Duy trì diện tích Bạch đàn ở mức tối đa 10.000 ha, đầu tư thâm canh, sử dụng các giống năng suất, chất lượng (giống Bạch đàn Cự vĩ

DH 32-29) phần đầu giai đoạn 2020 - 2025 năng suất rừng trồng đạt 15-18 m<sup>3</sup>/ha/năm, sản lượng khai thác đạt 200.000 m<sup>3</sup>/năm (ước giá trị gần 300 tỷ đồng). Vùng sản xuất tập trung tại các huyện: Hữu Lũng, Chi Lăng, Đình Lập.

*Vùng Quế:* Khuyến khích người dân tại địa bàn các huyện có tiềm năng mở rộng diện tích trồng, áp dụng thâm canh, đưa giống mới chất lượng cao vào trồng rừng, phát triển mở rộng đến năm 2025 diện tích đạt 6.000 ha; diện tích khai thác trung bình giai đoạn 2020-2025 khoảng 100 ha/năm, sản lượng gỗ đạt 600 tấn/năm (ước giá trị: 18 tỷ đồng). Đến năm 2030 nâng tổng diện tích lên khoảng 8.000 ha, diện tích khai thác hàng năm giai đoạn 2026-2030 trung bình 500 ha/năm, sản lượng gỗ đạt khoảng 3.000 tấn/năm (ước giá trị: 100 tỷ đồng). Vùng sản xuất tập trung ở các huyện: Tràng Định, Văn Lãng, Bình Gia, Bắc Sơn.

*Vùng Sở:* Phát triển diện tích đến năm 2025 đạt khoảng 5.000 ha, năm 2030 đạt 8.000 ha; tăng cường các biện pháp chăm sóc rừng, sử dụng giống bảo đảm chất lượng vào trồng, áp dụng thâm canh, cải tiến việc thu hái, bảo quản, chế biến. Giai đoạn 2021-2025 sản lượng hạt Sở đạt 6.000 tấn/năm, giai đoạn 2026-2030 đạt 7.000 tấn/năm. Vùng sản xuất chủ yếu tại các huyện: Văn Quan, Cao Lộc, Lộc Bình, Chi Lăng.

Mở rộng, phát triển các loài lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu dưới tán rừng, kết hợp khai thác bền vững với mở rộng vùng trồng các loại dược liệu phù hợp với đặc tính sinh thái, tiểu khí hậu của địa phương, Định hướng một số loài cây trồng chính như : Sa nhân, Ba kích, Lan kim tuyến, Chè hoa vàng, Đinh lăng, Hà thủ ô,...; xây dựng các mô hình dược liệu dưới tán rừng áp dụng kỹ thuật trồng, chăm sóc tiên tiến, công nghệ cao để làm điểm trình diễn và học tập nhân rộng. Phần đầu diện tích trồng dược liệu dưới tán rừng toàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 đạt 400 ha/năm; vùng trồng tập trung trồng dưới tán rừng Hồi và rừng phòng hộ trên địa bàn toàn tỉnh.

Tổ chức thực hiện tốt Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và các quy định liên quan kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả. Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp 20 vườn ươm sản xuất cây giống theo tiêu chuẩn kỹ thuật tiên tiến, hiện đại làm hạt nhân liên kết các cơ sở sản xuất cây giống hộ gia đình, tập trung đối với các loài cây: Thông, Keo, Bạch đàn, Hồi, Sở, Quế, dược liệu dưới tán rừng; bình tuyển, phục tráng các giống đặc sản có giá trị cao, đồng thời quản lý và đầu tư phát triển tốt nguồn giống hiện có. Hình thành mạng lưới sản xuất và cung ứng giống chất lượng, đảm bảo sản xuất khoảng 200 triệu cây/năm cung ứng cho thị trường trong và ngoài tỉnh.

Xây dựng và tổ chức thực hiện dự án giống cây trồng lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, trong đó tập trung các nhiệm vụ: hỗ trợ xây dựng hệ thống

cung cấp vật liệu giống chất lượng cao trên địa bàn tỉnh đối với các loài cây: Thông, Keo, Bạch đàn, Hồi, Sờ, Quế, dược liệu dưới tán rừng; hỗ trợ nâng cấp, xây dựng mới 02 đến 03 cơ sở sản xuất ứng dụng công nghệ cao để cung cấp vật liệu giống (hom, cây mô) cho hệ thống cơ sở sản xuất cây giống tại Đình Lập, Hữu Lũng và thành phố Lạng Sơn...;

Nâng cao chức năng phòng hộ bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học của rừng, phát huy sự tham gia tích cực của Nhân dân, cộng đồng, doanh nghiệp vào quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; triển khai hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; khai thác tốt tiềm năng du lịch sinh thái của rừng; thúc đẩy các hoạt động kết hợp bảo vệ thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học với công tác giáo dục bảo vệ môi trường.

Tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ phòng, chống cháy rừng; thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước về bảo vệ rừng; kịp thời xử lý theo pháp luật các trường hợp hủy hoại tài nguyên rừng, vi phạm pháp luật về lâm nghiệp; xây dựng các phương án phòng cháy, chữa cháy rừng đảm bảo chất lượng, dễ áp dụng, hiệu quả. Thực hiện tốt các biện pháp phòng, trừ dịch bệnh và sinh vật gây hại rừng; áp dụng các biện pháp lâm sinh, biện pháp sinh học trong phòng, trừ dịch bệnh và sinh vật gây hại; xử lý kịp thời khi phát hiện có dịch bệnh, sinh vật gây hại rừng.

#### **1.4. Lĩnh vực Thủy sản**

##### **a) Chỉ tiêu chủ yếu**

Mở rộng mô hình nuôi cá lồng, đến năm 2025 đạt quy mô trên 1.000 lồng cá; duy trì diện tích mặt nước nuôi cá thả ao hằng năm đạt 1.300 ha.

##### **b) Nhiệm vụ chủ yếu**

Khai thác tối đa diện tích mặt nước sẵn có, nâng cao hiệu quả nuôi trồng thủy sản, mở rộng diện tích nuôi các loài cá thịt truyền thống; phát triển nuôi thâm canh, lồng bè tại một số huyện như: Văn Quan, Bình Gia, Tràng Định, Bắc Sơn, ..., ưu tiên nuôi một số loại đặc sản như cá lăng, cá nheo Mỹ, cá tầm, cá bống... Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng hiệu quả, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái: Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong nuôi trồng thủy sản để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm (năng suất cao gấp 2-5 lần so với nuôi truyền thống); triển khai các mô hình nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh tăng năng suất gắn với việc sử dụng công nghệ xử lý môi trường; mô hình sản xuất theo chuỗi, OCOP nâng cao giá trị sản phẩm; tiếp tục thực hiện chương trình bảo vệ, tái tạo và bổ sung nguồn lợi thủy sản tại các lưu vực, thủy vực tự nhiên trên sông, hồ chứa.

#### **1.5. Xây dựng chuỗi liên kết, phát triển thương hiệu sản phẩm**

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu trong lĩnh vực nông lâm nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án triển khai chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Đẩy mạnh triển khai hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo hướng đa dạng hóa và nâng cao hơn nữa chất lượng gắn với xây dựng thương hiệu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm. Chú trọng, khuyến khích thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào chế biến sâu, sản xuất theo chuỗi cung ứng từ đó hình thành các chuỗi liên kết, chuỗi giá trị bền vững.

Tập trung xây dựng được 25 chuỗi liên kết trong sản xuất nông nghiệp, có đầy đủ các thành phần tham gia chuỗi gồm: doanh nghiệp, hộ sản xuất, Hợp tác xã... trong đó doanh nghiệp đóng vai trò chính trong xây dựng và duy trì hoạt động của chuỗi, đảm bảo khâu tiêu thụ sản phẩm; Hợp tác xã, Tổ hợp tác đảm bảo khâu tổ chức sản xuất và cung ứng vật tư đầu vào; trách nhiệm của các thành phần tham gia chuỗi được phân công rõ ràng trong các khâu, được cụ thể hóa thông qua các hợp đồng hoặc bản cam kết cùng thực hiện.

Triển khai, tổ chức thực hiện tốt các quy định về sở hữu trí tuệ, chú trọng sản xuất các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa có nhãn mác, bao bì đúng quy chuẩn, cung cấp đầy đủ thông tin về sản phẩm.

## **2. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất**

### **a) Chỉ tiêu chủ yếu**

Thành lập mới từ 60 HTX và 40 THT trở lên; 04 liên hiệp hợp tác xã. Đến năm 2025 các vùng sản xuất hàng hóa chủ lực đều thành lập HTX, THT để tổ chức sản xuất. Tăng tỷ lệ HTX hoạt động có hiệu quả đạt trên 50%, giảm tỷ lệ HTX hoạt động yếu xuống dưới 10%. 100% đội ngũ cán bộ chủ chốt HTX được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về quản lý, quản trị, chuỗi giá trị và pháp luật có liên quan.

### **b) Nhiệm vụ chủ yếu**

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể nói chung và Hợp tác xã nông nghiệp nói riêng, gắn quyền lợi của mỗi thành viên trong Hợp tác xã. Phát triển Hợp tác xã gắn kết với phát triển vùng hàng hóa tập trung, sản phẩm OCOP, làng nghề, xây dựng nông thôn mới. Khuyến khích, tạo điều kiện thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác. Phấn đấu bình quân mỗi năm thành lập từ 15 Hợp tác xã, 10 Tổ hợp tác lĩnh vực nông lâm nghiệp trở lên.

Tiếp tục đào tạo, nâng cao năng lực hoạt động của các thành viên Hợp tác xã về quản trị, marketing, định hướng phát triển thị trường, chuỗi liên kết và pháp luật liên quan, đổi mới phương thức bồi dưỡng theo hướng đào tạo cán bộ, nông dân cho Hợp tác xã từ thực tiễn, chú trọng phổ biến kinh nghiệm các mô

hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả. Quan tâm đào tạo, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho lực lượng lao động của hợp tác xã, tổ hợp tác, góp phần thúc đẩy HTX hoạt động thực chất, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong tình hình mới.

Đẩy mạnh nghiên cứu, dự báo, kết nối thị trường để định hướng sản xuất và quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại, tìm thị trường đầu ra cho sản phẩm nông lâm nghiệp của tỉnh. Tăng cường hỗ trợ nông dân kết nối liên kết với các doanh nghiệp chế biến, hệ thống tiêu thụ sản phẩm, hình thành chuỗi khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất nông nghiệp, cơ sở chế biến nông sản quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm, tham gia các hội chợ quảng bá, giới thiệu, tiêu thụ các sản phẩm ở trong tỉnh, ngoài tỉnh và quốc tế. Xây dựng chuyên mục về cơ sở dữ liệu, tuyên truyền OCOP.

Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025 theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019, nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển nông, lâm nghiệp, tăng tỷ trọng đóng góp của kinh tế tư nhân. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư chế biến và chế biến sâu các sản phẩm nông lâm sản để mang lại giá trị cao; phát triển ngành nghề nông thôn phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, cụm ngành nghề gắn liền với quy hoạch vùng nguyên liệu.

### **3. Xây dựng Nông thôn mới toàn diện gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp**

- Chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa; nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới văn minh, xanh, sạch đẹp, từng bước đi vào chiều sâu, thực chất bền vững. Việc triển khai thực hiện chương trình theo hướng đồng bộ, toàn diện ở tất cả các xã, có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên tập trung cho các xã điểm nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, các xã đặc biệt khó khăn, các xã biên giới.

Hướng dẫn các huyện, thành phố lựa chọn các mô hình, dự án để phát triển sản xuất có thế mạnh của địa phương theo hướng ưu tiên các mô hình có hiệu quả đã được triển khai đang được nhân dân hưởng ứng, có khả năng nhân rộng mô hình. Tiếp tục triển khai đồng bộ hiệu quả các Chương trình an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo nhằm nâng cao thu nhập cư dân nông thôn nhất là vùng sâu, vùng xa.

- Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, học tập, quán triệt về các cơ chế, chính sách mới, cách làm hay, mô hình hiệu quả và các điển hình tiên tiến nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận cao và tích cực hưởng ứng học tập và làm theo của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng cơ bản ở nông thôn. Linh hoạt huy động các nguồn lực, nhất là nguồn lực ngoài ngân sách cho xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, đặc biệt là các xã điểm, xã đặc biệt khó khăn chú trọng đầu tư cho các công trình cấp thôn, bản nhằm cải thiện trực tiếp điều kiện sinh hoạt và sản xuất của người dân, từng bước hoàn thiện các tiêu chí xã nông thôn mới, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu.

Đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường nông thôn, cải tạo cảnh quan môi trường, phát triển các mô hình thôn, bản xanh, sạch, đẹp làm tiền đề cho phát triển du lịch cộng đồng gắn kết hình thành các tour du lịch kết nối với các điểm nhấn thu hút khách du lịch; quan tâm xây dựng các mô hình phát triển nông nghiệp gắn với du lịch để nâng cao giá trị sản phẩm như: du lịch sinh thái vườn Na kết hợp thăm quan di tích lịch sử Chi Lăng; du lịch sinh thái nông nghiệp công nghệ cao, kết hợp nghỉ dưỡng vườn cam, quýt huyện Bắc Sơn; du lịch sinh thái, cộng đồng Hữu Liên, huyện Hữu Lũng; du lịch cộng đồng xã Quỳnh Sơn, huyện Bắc Sơn; núi Mẫu Sơn huyện Cao Lộc, Lộc Bình; Hang Gió, thảo nguyên Khau Sao huyện Chi Lăng;...

#### **4. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)**

Tiếp tục thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm; hỗ trợ các chủ thể hoàn thiện hồ sơ đăng ký sản phẩm OCOP tham gia đánh giá, phân hạng. Phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, hướng dẫn các chủ thể trong việc sử dụng logo và thứ hạng sao trên sản phẩm OCOP; tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tiêu chuẩn, chất lượng đối với các sản phẩm đã được chứng nhận OCOP. Hỗ trợ hoàn thiện, nâng cao chất lượng về bao bì, logo sản phẩm, hỗ trợ máy móc, trang thiết bị, hỗ trợ xây dựng phát triển thương hiệu,... triển khai xây dựng 05 điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm OCOP tại các huyện, thành phố có điều kiện. Tổ chức tham quan, học tập mô hình tổ chức, cách thức triển khai thực hiện Đề án OCOP trong và ngoài nước, vận dụng phù hợp với điều kiện của tỉnh; Đẩy mạnh tham gia các hội chợ giới thiệu sản phẩm OCOP và các cuộc hội nghị kết nối cung cầu sản phẩm OCOP trong và ngoài tỉnh

#### **5. Phát triển thủy lợi, nâng cao năng lực quản lý, đảm bảo an toàn và hiệu quả các công trình thủy lợi phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu**

Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án nâng cao năng lực quản lý, đảm bảo an toàn và hiệu quả các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai

đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn. Thực hiện rà soát các cơ chế, chính sách, kịp thời sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các cơ chế, chính sách về công tác quản lý, khai thác các công trình thủy lợi, tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng cho các tổ chức, cá nhân tham gia khai thác tổng hợp công trình thủy lợi. Củng cố, kiện toàn các tổ chức thủy lợi cơ sở, đổi mới phương thức hoạt động của doanh nghiệp quản lý khai thác công trình từ cơ chế giao kế hoạch sang đặt hàng hoặc đấu thầu nhiệm vụ quản lý khai thác, từng bước nâng cao hiệu quả công tác quản lý khai thác các công trình thủy lợi, phục vụ bảo đảm cấp, tiêu nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và đa mục tiêu.

Đầu tư hoàn chỉnh và nâng cấp các hệ thống công trình thủy lợi hiện có, tiếp tục đầu tư theo hướng đa chức năng để phục vụ cho trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, cho cung cấp nước sạch tập trung nông thôn; tập trung vốn đầu tư cho các công trình thủy lợi đầu mối, các dự án trọng điểm, hệ thống công trình tưới tiêu (nâng cấp và xây mới các công trình tạo nguồn, trạm bơm; cải tạo, nạo vét các kênh tưới tiêu...);.....

Đẩy mạnh áp dụng các giải pháp tưới tiết kiệm nước cho các loại cây trồng cho cây trồng cạn chủ lực, có giá trị kinh tế cao, có lợi thế cạnh tranh theo vùng miền. Tăng cường tuyên truyền vận động nhân dân tiếp tục triển khai chính sách hỗ trợ xi măng làm thủy lợi, giao thông nông thôn để phát triển thủy lợi vừa và nhỏ cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số để đảm bảo nước tưới và sinh hoạt, góp phần ổn định cuộc sống, xóa đói giảm nghèo.

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, tập trung đầu tư cho các công trình trọng điểm, xung yếu, đảm bảo an toàn cho các công trình phòng chống thiên tai. Chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra, đảm bảo tiêu thoát nước, chống úng ngập, ứng phó với biến đổi khí hậu.

## **6. Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng khoa học, kỹ thuật, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**

Tập trung nâng cao năng lực nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông lâm nghiệp, chú trọng khâu chế biến, bảo quản sau thu hoạch, gắn với bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng thương hiệu để nâng cao giá trị gia tăng; quan tâm đặc biệt việc ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Nâng cao chất lượng công tác khuyến nông và các dịch vụ tư vấn nhằm nâng cao kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản cho nhân dân.

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và làm chủ một số công nghệ chọn tạo, nhân giống cây trồng, giống vật nuôi và giống thủy sản; nghiên cứu, thử nghiệm đưa vào sản xuất những giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện sinh thái, thổ nhưỡng và có năng suất cao, chất lượng tốt, đáp ứng nhu

cầu thị trường. Bình tuyển, phục tráng các giống đặc sản có giá trị cao, đồng thời quản lý và đầu tư phát triển tốt nguồn giống hiện có. Khuyến khích đầu tư mới và nâng cấp các cơ sở sản xuất giống nhằm cung cấp đầy đủ, kịp thời giống cây, con có chất lượng tốt cho sản xuất nông, lâm nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Tăng cường áp dụng các biện pháp tổ chức, quản lý sản xuất theo các tiêu chuẩn tiên tiến (VietGAP, GlobalGAP, HACCP, hữu cơ,...), cấp mã số vùng trồng đáp ứng yêu cầu xuất khẩu, cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC, PEFC).

Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ số tự động hóa các quy trình sản xuất, giảm chi phí nhân công; đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa từ sản xuất tới thu hoạch, chế biến, bảo quản, đóng gói sản phẩm; Ứng dụng công nghệ số trong xây dựng mã số vùng trồng, truy suất nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm đảm bảo minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm; ứng dụng xây dựng chỉ dẫn địa lý cho các nông sản của tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong kết nối, quảng bá và tiêu thụ nông sản; đưa các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh tham gia giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ trên các sàn thương mại điện tử, giúp người dân thay đổi tư duy, phương thức, quy trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, chuyển đổi việc mua bán trên nền tảng công nghệ số.

### **7. Tăng cường xúc tiến thương mại, xây dựng nhãn hiệu hàng hóa và quản lý chất lượng sản phẩm nâng cao giá trị gia tăng**

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, phát triển thị trường, quảng bá hàng nông, lâm sản; Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư về tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, góp phần ổn định sản xuất, phát triển thị trường nội địa, tăng cường xuất khẩu đối với các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh; Tăng cường công tác thông tin đồng bộ, kịp thời, dự báo thị trường để đáp ứng yêu cầu định hướng đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và nông dân; phối hợp hoạt động thông tin thị trường giữa các tổ chức khuyến nông, các câu lạc bộ, các hội, hiệp hội và doanh nghiệp cũng như các sở, ngành để phục vụ yêu cầu chuyển dịch cơ cấu sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ.

Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế nhằm tăng cường hợp tác mở rộng thị trường và thu hút các nguồn vốn đầu tư và hỗ trợ kỹ thuật từ bên ngoài để phục vụ cho mục tiêu phát triển nông nghiệp nông thôn.

Tích cực phổ biến, tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến an toàn thực phẩm, tăng cường kiểm tra, thanh tra và việc chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm cho các cơ sở, sản xuất, chế biến kinh doanh nông sản

phù hợp với các quy định quốc tế; hướng dẫn các doanh nghiệp những quy định và điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong chế biến nông sản; tăng cường nâng cao nhận thức cho người dân, nhất là các chủ thể sản xuất, kinh doanh nông nghiệp về sản xuất nông nghiệp bền vững, đảm bảo chất lượng sản phẩm, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

### **8. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước lĩnh vực ngành**

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến và quán triệt chủ trương nội dung, nhiệm vụ, giải pháp chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới đến toàn bộ cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị, trong đó nhấn mạnh đến tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Lòng ghép trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, Khuyến nông, hội nghị và sinh hoạt chuyên đề đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị, cán bộ chuyên môn, quản lý nhà nước các cấp, các doanh nghiệp và người nông dân. Từng bước thay đổi tư duy, tập quán sản xuất nhỏ lẻ, tự phát sang phát triển sản xuất theo hướng tập trung hàng hóa quy mô lớn, gắn với việc phát triển các sản phẩm chủ lực nâng cao thương hiệu, tổ chức lại sản xuất kết nối thị trường tiêu thụ.

- Xây dựng chương trình tuyên truyền ngắn gọn, đơn giản, nâng cao tinh thần trách nhiệm của toàn dân trong phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đảm bảo thông tin hai chiều giữa doanh nghiệp, người dân và chính quyền nhằm phổ biến thông tin cũng như tiếp nhận các ý kiến phản ánh nhanh chóng để có những biện pháp hỗ trợ kịp thời. Chú trọng thông tin các mô hình sản xuất có hiệu quả, các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp để nhân rộng mô hình sản xuất.

- Đề cao trách nhiệm trong thi hành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành gắn với đánh giá chất lượng cán bộ, thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các ngành, địa phương trong nghiên cứu, đề xuất và triển khai thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính Sở Nông nghiệp và PTNT theo hướng công khai, minh bạch, hiện đại, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động công vụ, góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, chỉ số cải cách hành chính của ngành.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kế hoạch này; xây

dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị phù hợp với các mục tiêu nhiệm vụ tại kế hoạch.

2. Định kỳ 6 tháng, hàng năm (chậm nhất vào ngày 15/6 và 15/12) các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện, trong đó nêu rõ các việc đã hoàn thành, chưa hoàn thành, nguyên nhân, đề xuất giải pháp gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Phòng Kế hoạch Tài chính - Sở Nông nghiệp và PTNT theo dõi, đôn đốc tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch này, báo cáo Ban Giám đốc Sở xem xét, chỉ đạo.

Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện Kế hoạch này./.

***Nơi nhận:***

- UBND Tỉnh (b/c);
- Các đơn vị, phòng ban trực thuộc;
- VP điều phối XDNTM;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**

**Lý Việt Hưng**